Mẫu số 52 - DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AM
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **26**/2017/HNGĐ- ST
Ngày 21 tháng 8 năm 2017
"Về việc Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AM, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Lê Mỹ Huê**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Hiền**

2. Bà **Hồ Thị Hoa**

- Thư ký phiên toà: Ông **Trần Văn Thảo**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện AM.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AM, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Đông Hải**- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện AM, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2017 về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2017/QĐST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị B**, sinh năm 1992 *(có mặt)*;

Cư trú: ấp Thạnh Tây B, xã Đông Thạnh, huyện AM- Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Trần Thị B: Ông **Huỳnh Phương Ch**- Luật sư Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang *(có mặt)*;

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn Ng**, sinh năm 1990 *(có mặt)*;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1959 *(vắng mặt)*;

- Bà **Nguyễn Thị E**, sinh năm 1965 *(vắng mặt)*;

Cùng cư trú: ấp Thạnh Tây A, xã Đông Thạnh, huyện AM, tỉnh Kiên Giang.

- Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1970 *(vắng mặt)*;

Cư trú: ấp Thạnh Tây B, xã Đông Thạnh, huyện AMi- Kiên Giang.

- Chị **Trần Thị Cẩm T**, sinh năm 1994 *(có mặt)*;

Cư trú: ấp Thạnh Phú, xã Đông Thạnh, huyện AM, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện ngày 06/11/2016, đơn khởi kiện bổ sung các ngày 30/11/2016, ngày 17/12/2016, tờ tự khai ngày 21/02/2017 và biên bản ghi lời khai ngày 27/3/2017, nguyên đơn chị Trần Thị B trình bày và yêu cầu như sau***:

Chị Trần Thị B và anh Trần Văn Ng chung sống với nhau vào năm 2011, đến năm 2013 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh cấp giấy chứng nhận kết hôn, bản chính giấy chứng nhận kết hôn anh Trần Văn Ng cất giữ chị không cung cấp cho Tòa án bản chính được. Thời gian chung sống chị và anh Ng có 01 đứa con chung tên Trần Chí Hải, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2012, hiện nay chị đang nuôi dưỡng; về tài sản chị và anh Ng có 10 chỉ vàng 24k, hiện nay mẹ chồng chị tên Nguyễn Thị E cất giữ, 01 chiếc xe hiệu JUPITER mua lại của cha chồng chị tên Trần Văn H đứng tên trong giấy đăng ký xe, anh Ng đang quản lý sử dụng chiếc xe và giấy tờ xe; về nợ, khi đi làm thuê ở Bình Dương vợ chồng có mượn của mẹ ruột của chị tên Nguyễn Thị Th 13.000.000 đồng, mượn của em chồng chị tên Trần Thị Cẩm T 2.000.000 đồng. Quá trình chung sống chị và anh Ng đi làm thuê ở tại tỉnh Bình Dương vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, anh Ng xúc phạm danh dự chị, đến ngày 02/9/2016, anh Ng không làm thuê nữa bỏ về sống ly thân với chị đến nay không quan tâm đến vợ con. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về hôn nhân*: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Ng.

- *Về con chung*: Chị yêu cầu được nuôi con tên Trần Trí Hải, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2012, yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng 700.000 đồng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

- *Về tài sản*: Khi khởi kiện chị Trần Thị B yêu cầu anh Trần Văn Ng và bà Ng Thị E giao lại cho chị được sở hữu, sử dụng 05 chỉ vàng 24k, vàng 9999 và 5.000.000 đồng giá trị 1/2 chiếc xe. Giao anh Trần Văn Ng được sở hữu, sử dụng 05 chỉ vàng 24k, vàng 9999 và chiếc xe hiệu JUPITER mua lại của cha chồng chị tên Trần Văn H đứng tên trong giấy đăng ký xe trị giá 10.000.000 đồng. Đối với 05 chỉ vàng 24k ông Ba D vay trước đây thì ông D đã trả vào tháng 7/2012, chị đã bán mua sữa cho con và chi phí hết. Nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

- *Về nợ*: Chị và anh Ng có nợ 15.000.000 đồng, trong đó: Nợ bà Nguyễn Thị Th 13.000.000 đồng, nợ chị Trần Thị Cẩm T 2.000.000 đồng. Khi ly hôn chị chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Th 7.500.000 đồng, anh Ng chịu trách nhiệm trả nợ bà Nguyễn Thị Th 5.500.000 đồng và trả nợ cho chị Trần Thị Cẩm T 2.000.000 đồng. Đối với số tiền 20.000.000 đồng anh Trần Văn Ng và bà Nguyễn Thị E nói vợ chồng chị nợ bà E là không đúng, mà vào tháng 4/2015, bà Nguyễn Thị E có cho vợ chồng chị và em chồng của chị tên Trần Chí T mỗi

người 20.000.000 đồng để thuê đất làm, nên nay chị không đồng ý trả lại số tiền 20.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị E.

**** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 14/02/2017, bị đơn anh Trần Văn Ng trình bày***:

Anh Trần Văn Ng và chị Trần Thị B chung sống với nhau vào năm 2011, quá trình chung sống chị B sống làm dâu, đến năm 2016, vợ chồng anh chị cùng đi làm thuê ở Bình Dương, anh luôn cố gắng lo làm ăn để vợ con anh có được cuộc sống sung sướng, nhưng chị B không toàn tâm toàn ý chung sống với anh, mỗi khi vợ chồng cự cãi thì chị B đòi bỏ anh để lấy đại gia, nhiều lần chị B xúc phạm và gây tổn thương cho anh nhưng anh vẫn tha thứ bỏ qua. Đến ngày 02/9/2016, chị B về quê nghỉ lễ và sau đó không quay lại chung sống với anh nữa, chị B điện thoại kêu anh về ly hôn, anh không đồng ý nhưng chị B cương quyết xin ly hôn với anh. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhận: Anh đồng ý ly hôn với chị Trần Thị B;

- Về con chung: Anh đồng ý giao con chung của anh chị tên Trần Trí Hải cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng mà phải cho anh được tới lui thăm con, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Sau này chị B không trực tiếp nuôi dưỡng thì giao lại cho anh nuôi dưỡng, chị B không được gửi con cho người khác nuôi.

- Về tài sản chung: Theo chị B trình bày chưa chính xác, lúc cưới cha mẹ ruột của anh có cho 10 chỉ vàng 24k, chung sống một thời gian chị B lấy 05 chỉ cho vay, còn lại 05 chỉ anh giữ, thời gian vợ chồng mâu thuẫn chị B bỏ về nhà cha mẹ ruột chị B sinh sống, anh buồn chán nên đã bán hết 05 chỉ vàng tiêu xài, hiện nay không còn. Cha mẹ ruột của anh có cho vợ chồng anh chiếc xe trị giá 10.000.000 đồng, trong thời gian vợ chồng đi làm ở Bình Dương có thiếu nợ 5.000.000 đồng nên anh mang xe đi bán nhưng không ai mua, cha anh tên Trần Văn H đã xuất tiền ra 5.000.000 đồng để trả nợ cho vợ chồng anh và ông Trần Văn H giữ lại chiếc xe sử dụng, vì vậy hiện nay vợ chồng anh không có tài sản chung.

- Về nợ: Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh có mượn đất để nuôi tôm, có mượn của cha mẹ ruột anh tên ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị E số tiền 20.000.000 đồng để đầu tư nuôi tôm và nợ chị Trần Thị Cẩm T 2.000.000 đồng đến nay chưa trả; nợ mẹ vợ là bà Nguyễn Thị Th 13.000.000 đồng nhưng đã trừ qua chưng hụi, không còn nợ bà Th. Khi ly hôn anh chịu trách nhiệm trả 11.000.000 đồng, yêu cầu chị B chịu trách nhiệm trả 11.000.000 đồng.

**** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 14/02/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị E trình bày***:

Trước đây vợ chồng ông bà có cho con dâu là Trần Thị B số vàng cưới là 10 chỉ vàng 24k. Đến năm 2012, chị xuôi của ông bà là bà Nguyễn Thị Th có dẫn bà Ba D qua hỏi, ông bà lấy vàng cưới của con dâu đưa cho bà Ba D. Khi đó ông bà trả lời, số vàng này ông bà đã cho con của ông bà rồi thì do con của ông bà quyết định. Sau đó con dâu của ông bà có lấy 05 chỉ vàng đưa cho bà Ba D vay

lấy lãi tiêu xài, còn 05 chỉ vàng gửi ông bà giữ, trong lúc vợ chồng B- Ng lục đục với nhau, B bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, con trai của ông bà buồn chán kêu ông bà đưa 05 chỉ vàng nói trên cho Ng, một thời gian sau ông bà hỏi lại thì Ng nói bán đi chơi hết, nay B đòi ông bà trả lại cho B 05 chỉ vàng 24k, ông bà không đồng ý, vì ông bà không có giữ.

Vợ chồng ông bà có bán cho vợ chồng B, Ng chiếc xe trị giá 10.000.000 đồng, thời gian vợ chồng B, Nguyện đi làm ở Bình Dương có thiếu nợ 5.000.000 đồng, nên vợ chồng B, Ng đem xe đi bán nhưng không được nên vợ chồng ông bà phải xuất ra 5.000.000 đồng để trả nợ cho vợ chồng B, Ng và giữ lại chiếc xe sử dụng. Hiện nay chiếc xe ông bà đang đứng tên, đang sử dụng, vợ chồng ông bà không đồng ý giao lại cho B giá trị phân nữa chiếc xe 5.000.000 đồng. Nay ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo yêu cầu ông bà nêu trên.

**** Tại đơn yêu cầu xét xử văng mặt ngày 27/3/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th trình bày***:

Trần Thị B, Trần Văn Ng do điều kiện kinh tế khó khăn nên có mượn bà 03 lần với số tiền 13.000.000 đồng để lo cất nhà và chi phí khác. Sau khi B, Ng mâu thuẩn với nhau thì B, Ng tính toán trừ qua 01 phần hụi sống đã góp được 13 lần hụi sống cho bà, hiện nay giữa bà và B, Ng không còn nợ tiền gì đối với nhau, bà yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà.

**** Tại phiên tòa***:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Trần Thị B phát biểu ý kiến: Chị Trần Thị B và anh Trần Văn Ng chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẩn, nguyên nhân do anh Ng xúc phạm danh dự chị B, đến ngày 02/9/2016 anh chị sống ly thân đến nay không còn quan tâm chăm sóc giữa vợ chồng thời gian dài nên tình cảm giữa vợ chồng không còn, chị B yêu cầu được ly hôn với anh Ng thì anh Ng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị B. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị B và anh Trần Văn Ng theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Về con chung: Chị B và anh Ng có 01 người con chung, hiện nay chị B đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị B yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, anh Ng đồng ý là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận của chị B và anh Ng. Khi anh chị ly hôn giao con chung của anh chị tên Trần Trí Hải, sinh ngày 20/8/2012 cho chị Trần Thị B tiếp tục nuôi dưỡng. Đồng thời, anh Ng không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình, buộc anh Ng phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử cho đến khi con của anh chị đủ 18 tuổi tự lao động sinh sống được.

Về tài sản, khi khởi kiện chị Trần Thị B yêu cầu anh Trần Văn Ng và bà Nguyễn Thị E giao lại cho chị được sở hữu, sử dụng 05 chỉ vàng 24k, vàng 9999 và 5.000.000 đồng giá trị 1/2 chiếc xe. Giao anh Trần Văn Ng được sở hữu, sử dụng 05 chỉ vàng 24k, vàng 9999 và chiếc xe hiệu JUPITER mua lại của cha chồng chị tên Trần Văn H đứng tên trong giấy đăng ký xe trị giá 10.000.000 đồng. Đối với 05 chỉ vàng 24k ông Ba D vay trước đây thì ông D đã trả vào tháng 7/2012, chị đã bán mua sữa cho con và chi phí hết. Nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, không tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ, chị B và anh Ng có nợ 15.000.000 đồng, trong đó: Nợ bà Nguyễn Thị Th 13.000.000 đồng, nợ chị Trần Thị Cẩm T 2.000.000 đồng. Khi ly hôn chị chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Th 7.500.000 đồng, anh Ng chịu trách nhiệm trả nợ bà Nguyễn Thị Th 5.500.000 đồng và trả nợ cho chị Trần Thị Cẩm T 2.000.000 đồng. Đối với số tiền 20.000.000 đồng anh Trần Văn Ng và bà Nguyễn Thị E nói vợ chồng chị nợ bà E là không đúng, mà vào tháng 4/2015, bà Nguyễn Thị E có cho vợ chồng chị và em chồng của chị tên Trần Chí T mỗi người 20.000.000 đồng để thuê đất làm, nên nay chị không đồng ý trả lại số tiền 20.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị E, không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, không tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Nguyên đơn chị Trần Thị B đồng ý theo ý kiến phát biểu và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị, về hôn nhân chị xin được ly hôn với anh Trần Văn Ng; về con chung, chị yêu cầu được nuôi con, chị yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng 700.000 đồng; về tài sản không yêu cầu giải quyết; về nợ, chị và anh Ng có nợ 15.000.000 đồng, trong đó: Nợ bà Nguyễn Thị Th 13.000.000 đồng, nợ chị Trần Thị Cẩm T 2.000.000 đồng. Khi ly hôn chị chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Th 7.500.000 đồng, anh Ng chị trách nhiệm trả nợ bà Nguyễn Thị Th 5.500.000 đồng và trả nợ cho chị Trần Thị Cẩm T 2.000.000 đồng. Đối với số tiền 20.000.000 đồng anh Nguyện và bà E nói vợ chồng chị nợ bà E là không đúng, mà vào tháng 4/2015, bà Nguyễn Thị E có cho vợ chồng chị và em chồng của chị tên Trần Chí T mỗi người 20.000.000 đồng để thuê đất làm, nên nay chị không đồng ý trả lại số tiền 20.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị E, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn anh Trần Văn Ng đồng ý ly hôn với chị Trần Thị B; về con, khi ly hôn anh đồng ý giao con Trần Trí Hải cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, nếu chị B nuôi không nổi giao con lại cho anh nuôi dưỡng; về tài sản, lúc cưới cha mẹ ruột của anh có cho 10 chỉ vàng 24k, chung sống một thời gian chị B lấy 05 chỉ cho vay, còn lại 05 chỉ anh giữ, thời gian vợ chồng mâu thuẫn chị B bỏ về nhà cha mẹ ruột chị B sinh sống, anh buồn chán nên đã bán hết 05 chỉ vàng tiêu xài, hiện nay không còn. Cha mẹ ruột của anh có cho vợ chồng anh chiếc xe trị giá 10.000.000 đồng, trong thời gian vợ chồng đi làm ở Bình Dương có thiếu nợ 5.000.000 đồng nên anh mang xe đi bán nhưng không ai mua, cha anh tên Trần Văn H đã xuất tiền ra 5.000.000 đồng để trả nợ cho vợ chồng anh và ông Trần Văn H giữ lại chiếc xe sử dụng, vì vậy hiện nay

vợ chồng anh không có tài sản chung; về nợ, trong thời gian chung sống, vợ chồng anh có mượn đất để nuôi tôm, có mượn của cha mẹ ruột anh tên ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị E số tiền 20.000.000 đồng để đầu tư nuôi tôm và nợ chị Trần Thị Cẩm T 2.000.000 đồng đến nay chưa trả; nợ mẹ vợ là bà Nguyễn Thị Th 13.000.000 đồng nhưng đã trừ qua chưng hụi, không còn nợ bà Th. Khi ly hôn anh chịu trách nhiệm trả 11.000.000 đồng, yêu cầu chị B chịu trách nhiệm trả 11.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Cẩm T xác định, anh Nguyện và chị B có mua tôm giống của chị còn nợ 2.000.000 đồng đến nay chưa trả, nay chị không yêu cầu giải quyết để chị và anh Ng, chị B tự thỏa thuận, khi nào anh Ng, chị B có tiền thì trả cho chị.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị E vắng mặt đến lần thứ hai không lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th có đơn yêu cầu xét xử văng mặt.

- Kiểm sát viện phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách và đưa người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật; từ khi thu lý vụ án đến nay thực hiện các thủ tục tố tụng như hòa giải, thu thập các tài liệu, chứng cứ; tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời gian quy định pháp luật, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 51 và Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Văn Ng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị E, chị Trần Thị Cẩm T chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng, đề nghị rút kinh nghiệm;

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân, chị B và anh Ng chung sống với nhau có đăng ký kết hôn được xác định là hôn nhân hợp pháp, trong quá trình chung sống anh chị có nhiều mâu thuẩn, nên anh chị đã ly thân nhau từ ngày 02/9/2016 đến nay, tại phiên tòa hôm nay chị B yêu cầu được ly hôn với anh Nguyện thì anh Ng đồng ý ly hôn với chị B nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị B và anh Ng; về con chung, B và anh Ng có 01 người con chung tên Trần Trí Hải, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2012, hiện nay chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị B yêu cầu được nuôi dưỡng con, anh Ng đồng ý giao con chung của anh chị cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa anh chị, giao con chung của anh chị cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng; buộc anh Ng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng là phù hợp chi phí thiết yêu nuôi con; về tài sản và nợ không tranh chấp, không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị B yêu cầu xin được ly hôn với anh Trần Văn Ng, về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là tranh chấp về dân sự về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân. Khi chị B khởi kiện Tòa án thụ lý vụ án và hiện nay bị đơn anh Trần Văn Ng, cư trú tại ấp Thạnh Tây A, xã Đông Thạnh, huyện AM, tỉnh Kiên Giang là vụ án thuộc thẩm quyền của cấp huyện và thuộc thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân huyện A M theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân.

[2] Về thủ tục tố tụng: Khi khởi kiện nguyên đơn chị Trần Thị B trình bày, vợ chồng chị có tài sản chung 10 chỉ vàng 24k, bà Nguyễn Thị E đang cất giữ và chiếc xe có giá trị 10.000.000 đồng, giấy đăng ký xe ông Trần Văn H đứng tên và nợ bà Nguyễn Thị Th 13.000.000 đồng, nợ chị Trần Thị Cẩm T 2.000.000 đồng. Chị Trần Thị B, anh Trần Văn Ng không khởi kiện đối với ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Th, chị Trần Thị Cẩm T và trong quá trình tố tụng ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị E, bà Nguyễn Thị Th, chị Trần Thị Cẩm T cũng không khởi kiện đối với chị Trần Thị B, anh Trần Văn Ng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án xét thấy ông H, bà Th, chị T có liên quan đến tài sản và nợ, nên Tòa án đưa ông H, bà Th và chị T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án thông báo cho bị đơn anh Trần Văn Ng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị E, bà Nguyễn Thị Th, chị Trần Thị Cẩm T biết và quy định thời gian để có ý kiến, cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị E, bà Nguyễn Thị Th có văn bản trình bày ý kiến là các ông, bà và anh Ng, chị B không có cất giữ tài sản của chị B và anh Ng và bà Th đã thỏa thuận anh Ng, chị B giao cho bà Th 01 phần hụi đã trừ số nợ nói trên không còn nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Trần Thị Cẩm T không có ý kiến gì cho Toà án biết. Toà án tổ chức phiên họp và thông báo cho các đương sự để tham gia phiên họp, nhưng bị đơn anh Trần Văn Ng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị E, chị Trần Thị Cẩm T vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cùng giấy triệu tập cho bị đơn anh Trần Văn Ng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị E, chị Trần Thị Cẩm T, nhưng ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị E vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không lý do, bà Nguyễn Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Đồng thời tại

phiên toà chị B, anh Ng, chị Cẩm T không yêu cầu hoãn phiên toà, yêu cầu xét xử vắng mặt ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị E, bà Nguyễn Thị Th. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về nội dung: Về quan hệ hôn nhân, chị Trần Thị B và anh Trần Văn Ng chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Uỷ ban nhân dân xã Đông Thạnh là nơi cư trú của anh chị)* và được Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/7/2013, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Xét yêu cầu của chị Trần Thị B xin ly hôn với anh Trần Văn Ng, thời gian chung sống chị và anh Ng thường xuyên xảy ra mâu thuẩn, nguyên nhân do anh Nguyện xúc phạm danh dự chị. Anh Ng cho rằng anh luôn cố gắng lo làm ăn để vợ con anh có được cuộc sống sung sướng, nhưng chị B không toàn tâm toàn ý chung sống với anh, mỗi khi vợ chồng cự cãi thì chị B đòi bỏ anh để lấy đại gia, nhiều lần chị B xúc phạm và gây tổn thương cho anh nhưng anh vẫn tha thứ bỏ qua. Đến ngày 02/9/2016, anh chị thật sự ly thân nhau không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Thấy rằng, anh chị mâu thuẩn giữa vợ chồng trầm trọng là do không phù hợp cuộc sống vợ chồng với nhau, xúc phạm lẫn nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Chị Trần Thị B xin được ly hôn với anh Ng thì anh Trần Văn Ng cũng đồng ý ly hôn với chị B nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Trần Thị B, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị B và anh Trần Văn Ng là phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung, chị B và anh Ng có 01 đứa con tên Trần Trí H, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2012, hiện nay chị B đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị B yêu cầu được nuôi dưỡng con; anh Ng đồng ý giao con cho chị B nuôi dưỡng mà phải cho anh được tới lui thăm con, thấy rằng yêu cầu của chị B và sự tự nguyện của anh Ngn giao con cho chị B nuôi dưỡng khi anh chị ly hôn là phù hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nghỉ nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Trần Thị B là ghi nhận sự tự thỏa thuận của chị Trần Thị B và anh Trần Văn Ng. Khi anh chị ly hôn giao con của anh chị tên Trần Trí Hải, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2012 cho chị Trần Thị B tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, anh Ng không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Nguyện không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Bích có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nguyện.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Bích yêu cầu anh Trần Văn Nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị nhưng anh Nguyện không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; nghĩa vụ cấp dưỡng không được thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác; cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với nhau theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó cần chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, yêu cầu của chị Bích, buộc anh Trần Văn Nguyện có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Chị Bích yêu cầu anh Nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng 700.000 đồng. Thấy rằng, là không cao và phù hợp với quy định của pháp luật là không dưới 1/2 mức lương cơ sở *(mức lương tối thiểu)*, đồng thời phù hợp với khã năng lao động của anh Nguyện. Do đó, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, yêu cầu của chị Bích, buộc anh Nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị Bích mỗi tháng là 700.000 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình, phương thức cấp dưỡng hàng tháng theo quy định tại Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Khi khởi kiện chị Trần Thị Bích yêu cầu anh Trần Văn Nguyện và bà Nguyễn Thị Em giao lại cho chị được sở hữu, sử dụng 05 chỉ vàng 24k, vàng 9999 và 5.000.000 đồng giá trị 1/2 chiếc xe. Giao anh Trần Văn Nguyện được sở hữu, sử dụng 05 chỉ vàng 24k, vàng 9999 và chiếc xe hiệu JUPITER mua lại của cha chồng chị tên Trần Văn Hài đứng tên trong giất đăng ký xe trị giá 10.000.000 đồng. Theo anh Trần Văn Nguyện, bà Nguyễn Thị Em thì 10 chỉ vàng 24k lúc cưới cho chị Bích, sau đó chị Bích lấy 05 chỉ cho vay, còn lại 05 chỉ thời gian vợ chồng mâu thuẩn chị Bích bỏ về cha mẹ ruột chi sinh sống, anh Nguyện buồn chán nên đã lấy bán hết 05 chỉ vàng tiêu xài, hiện nay không còn. Cha mẹ ruột của anh Nguyện cho vợ chồng anh Nguyện, chị Bích chiếc xe trị giá 10.000.000 đồng, trong thời gian vợ chồng đi làm ở Bình Dương có thiếu nợ 5.000.000 đồng nên anh Nguyện, chị Bích mang xe đi bán để trả nợ nhưng không ai mua, ông Trần Văn Hài đã xuất tiền ra 5.000.000 đồng để trả nợ cho vợ chồng anh Nguyện, chị Bích, ông Hài giữ lại chiếc xe sử dụng, hiện nay vợ chồng anh Nguyện, chị Bích không có tài sản chung. Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị Bích thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung giữa anh Nguyện và chị Bích, nên đình chỉ giải quyết vụ án phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Trần Thị Bích theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nợ: Khi khởi kiện chị Bích trình bày, chị và anh Nguyện có nợ 15.000.000 đồng, trong đó: Nợ bà Nguyễn Thị Thu 13.000.000 đồng, nợ chị Trần Thị Cẩm Tú 2.000.000 đồng. Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án, ngày

14/02/2017, anh Trần Văn Nguyện và bà Nguyễn Thị Em có văn bản trình bày ý kiến là trong thời gian chung sống, vợ chồng anh Nguyện, chị Bích có mượn đất để nuôi tôm, có mượn của cha mẹ ruột anh Nguyện là ông Trần Văn Hài, bà Nguyễn Thị Em số tiền 20.000.000 đồng để đầu tư nuôi tôm và nợ chị Trần Thị Cẩm Tú 2.000.000 đồng đến nay chưa trả, nợ mẹ vợ là bà Nguyễn Thị Thu 13.000.000 đồng nhưng đã trừ qua chưng hụi, không còn nợ bà Thu. Tòa án thông báo cho bà Nguyễn Thị Thu, ông Trần Văn Hài, bà Nguyễn Thị Em, chị Trần Thị Cẩm Tú biết và quy định thời gian nếu bà Thu, ông Hài, bà Em, chị Tú có yêu cầu Tòa án giải quyết thì phải làm đơn khởi kiện và làm các thủ tục theo quy định pháp luật nhưng đến nay bà Nguyễn Thị Thu, ông Trần Văn Hài, bà Nguyễn Thị Em, chị Trần Thị Cẩm Tú không khởi kiện, nên không xem xét, nếu sau này có tranh chấp, bà Nguyễn Thị Thu, ông Trần Văn Hài, bà Nguyễn Thị Em, chị Trần Thị Cẩm Tú có khởi kiện thì được xem xét, giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quyết định của Tòa án phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghi quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án. Buộc chị Trần Thị Bích, anh Trần văn Nguyện phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, nhưng chị Trần Thị Bích được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 206, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 55, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117, khoản 1 Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghi quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Bích và anh Trần Văn Nguyện.

2. Về con chung: Giao con của anh chị tên Trần Trí Hải, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2012 cho chị Trần Thị Bích tiếp tục nuôi dưỡng *(Trần Trí Hải hiện nay chị Bích đang nuôi dưỡng).*

Sau khi ly hôn, anh Nguyện không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Nguyện không trực tiếp nuôi con

lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Bích có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nguyện.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Văn Nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị Bích mỗi tháng 700.000 đồng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm 21/8/2017.

4. Về tài sản: Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Trần Thị Bích.

5. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Bích phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 750.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000173 ngày 03 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị Bích số tiền chênh lệch là 450.000 đồng.

Buộc anhTrần Văn Nguyện phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 21/8/2017. Đương sự vắng mắt có quyền kháng cáo trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày bản án này được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã Đông Thạnh;
- Lưu HSVA,VP.

Lê Mỹ Huê